TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 52/2026/HS-PT
Ngày 03 tháng 02 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Lê Văn Thường, ông Trần Quốc Cường

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Duy Hoàng

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 174/2025/TLPT-HS ngày 07/10/2025 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2025/HS-ST ngày 13/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 369/2025/QĐXXPT-HS ngày 14/01/2025 của Tòa phúc Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, đối với:

1. Bị cáo: Đào Thanh L, sinh ngày 02 tháng 12 năm 1983 tại tỉnh Gia Lai. Nơi thường trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là phường A, tỉnh Gia Lai); chỗ ở hiện nay: thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là phường A, tỉnh Gia Lai); căn cước công dân số 0640 8300 6759 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 10/5/2021; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Thanh P và bà Trương Thị T; có vợ là Nguyễn Thị L1 (là bị cáo trong vụ án) và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11/8/2017, bị Công an thị xã A, tỉnh Gia Lai xử phạt về hành vi đe dọa người khác (đã chấp hành xong).

Bị cáo đang bị tạm giam (trong vụ án khác) tại Trại tạm giam công an tỉnh G, có mặt.

2. Bị cáo: Nguyễn Thị L2, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1982 tại tỉnh Gia Lai. Nơi thường trú: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là phường A, tỉnh Gia Lai); chỗ ở hiện nay: thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là phường A, tỉnh Gia Lai); căn cước công dân số 0641 8200 7905 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 17/01/2022; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh K và bà Quách Thị Kim H; có chồng là Đào Thanh L (là bị cáo trong vụ án) và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, vắng mặt.

3. Bị cáo: Nguyễn Minh T1**,** sinh ngày 01 tháng 6 năm 1988 tại tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là phường A, tỉnh Gia Lai);

căn cước công dân số 0640 8800 2264 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 24/4/2021; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh K và bà Quách Thị Kim H; có vợ là Huỳnh Thị P1 và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/01/2020, bị Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc (đã xóa án tích)

Bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam G thuộc Bộ C3 (địa chỉ: xã A, xã A, tỉnh Gia Lai), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Từ năm 2018, Đào Thanh L kinh doanh vận tải chở hàng (mía, mỳ) từ các huyện Đ, K, Kông C, Ayun Pa… đến nhà máy trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Vì hoạt động kinh doanh xe tải chở mỳ, mía thường phải chở quá khổ, quá tải và bị lực lượng Cảnh sát giao thông kiểm tra, xử phạt vi phạm theo quy định nên Đào Thanh L đã đến xin các cán bộ Cảnh sát giao thông trực chốt kiểm soát, trạm tuần tra cho xe qua mà không bị kiểm tra, lập biên bản xử phạt vi phạm. Từ đó, L có quen biết với một số cán bộ Cảnh sát giao thông và biết được quá trình tuần tra, kiểm soát của một số cán bộ Cảnh sát giao thông thực hiện sai một số quy trình công tác. Quá trình quen biết, khi không xin được cán bộ Cảnh sát giao thông tại chốt kiểm soát cho xe tải qua thì L nhờ Võ Minh C1 và Huỳnh Quang T2 bí mật ghi âm, ghi hình lực lượng Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ với mục đích để L dùng các video clip này gây áp lực buộc một số cán bộ Cảnh sát giao thông để cho các xe tải của L qua chốt kiểm soát, nếu không cho xe tải của L qua chốt kiểm soát thì L sẽ gửi các video clip này đến Cơ quan Thanh tra ngành Công an để xử lý cán bộ Cảnh sát giao thông đó.

Sau đó, thấy có nhiều tài xế xe tải có nhu cầu xin cho xe tải của họ chở hàng (mía, mỳ…) quá khổ, quá tải qua các chốt kiểm soát Cảnh sát giao thông mà không bị lập biên bản xử phạt vi phạm nên L đã đưa ra thông tin gian dối về việc L có quen biết với nhiều cán bộ Công an tỉnh G có thể lo được cho các xe tải chở hàng quá khổ, quá tải qua các chốt kiểm soát của Cảnh sát giao thông mà không bị kiểm tra và xử phạt vi phạm. Tháng 10/2022, do tin tưởng vào thông tin do Đào Thanh L đưa ra là thật nên Võ Minh C1 (Sinh năm 1983, trú tại hẻm N, tổ C, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai), Nguyễn Minh Đ (sinh năm 1982, trú tại Buôn P, xã I, thị xã A, tỉnh Gia Lai) và nhiều tài xế xe tải đã đến liên hệ đưa tiền để nhờ L lo cho xe tải chở hàng quá khổ, quá tải của họ qua các chốt kiểm soát giao thông. L đã trực tiếp hoặc thông qua Nguyễn Thị L2, Nguyễn Minh T1 nhận tiền của C1, Đ và các tài xế xe tải (bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng) và chiếm đoạt số tiền này. Trong đó, Đào Thanh L, Nguyễn Thị L2 và Nguyễn Minh T1 đã chiếm đoạt số tiền 55.000.000 đồng của anh Nguyễn Minh Đ và chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng của anh Võ Minh C1, cụ thể:

1. Hành vi chiếm đoạt số tiền 55.000.000 đồng của anh Nguyễn Minh Đ*:*

Khoảng tháng 10/2022, qua thông tin biết Đào Thanh L nhận tiền để "bảo kê" cho xe tải chở hàng quá tải qua các chốt kiểm soát của lực lượng Cảnh sát giao thông mà không bị kiểm tra, xử phạt vi phạm nên anh Đ đã liên hệ nhờ L "bảo kê" cho 02 chiếc xe tải biển kiểm soát 81C-082.50 và 81C-073.14 của anh Đ qua các chốt kiểm soát giao thông. L yêu cầu anh Đ phải đưa số tiền 65.000.000 đồng/02 xe/mùa nhưng do Đ giới thiệu thêm 03 xe tải khác nên L đã giảm cho Đ số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi thống nhất giá tiền trên, anh Đ đã dùng tài khoản Ngân hàng N1 (viết tắt A) số 506205124393 của anh Đ chuyển số tiền 35.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng A1 số 5015205002032 của Nguyễn Thị L2 (vợ Đào Thanh L) và chuyển số tiền 20.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng A1 số 5015205126230 của Nguyễn Minh T1 theo yêu cầu của L. Số tiền 20.000.000 đồng nhận được từ anh Đ thì T1 đã đưa cho Nguyễn Thị L2 và L2 đưa lại toàn bộ cho L. Sau khi chạy được một vài chuyến hàng suôn sẻ thì các xe tải của anh Đ bị lực lượng Cảnh sát giao thông Công an huyện K xử phạt vi phạm chở hàng quá tải nên anh Đ yêu cầu L trả lại tiền thì L đã chuyển trả lại Đ 20.000.000 đồng.

2. Hành vi chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng của anh Võ Minh C1*:*

Vào tháng 10/2022 nghe thông tin Đào Thanh L có thể "bảo kê" lo cho xe tải chở hàng quá tải qua các chốt kiểm soát của lực lượng Cảnh sát giao thông mà không bị kiểm tra, xử phạt vi phạm nên anh Võ Minh C1 đã cùng với anh Huỳnh Quang T2 (sinh năm 1987, trú tại A H, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai) đến nhà L để nhờ L "bảo kê" lo cho xe tải biển kiểm soát 51C-593.57 (xe của C1) và 77C-068.76 (xe của T2) chở hàng quá tải qua các chốt kiểm soát của lực lượng Cảnh sát giao thông không bị kiểm tra, xử phạt vi phạm. L yêu cầu anh C1 và T2 mỗi người phải đưa cho L số tiền 70.000.000 đồng/01 xe/năm để L "bảo kê" lo cho 02 xe tải trên chở hàng quá tải qua các chốt kiểm soát của Cảnh sát giao thông, C1 và T2 đồng ý. Do không đủ tiền nên anh C1 đã đưa trước 40.000.000 đồng tiền mặt cho L (có anh Huỳnh Quang T2 chứng kiến), số tiền còn lại sẽ trả sau, L đồng ý. Đến tháng 01/2023, anh C1 đưa thêm cho L số tiền mặt 10.000.000 đồng, số tiền 20.000.000 đồng còn lại anh C1 chưa đưa cho L. Bị can L không thừa nhận đã thỏa thuận "bảo kê" lo cho xe tải của C1 với số tiền 70.000.000 đồng mà L chỉ giúp "lo" cho xe tải của C1 qua chốt kiểm soát Cảnh sát giao thông chứ L không nhận tiền của anh C1. Tuy nhiên, qua tài liệu chứng cứ thu thập, có đủ căn cứ xác định Đào Thanh L đã nhận và chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng của anh C1.

* Về dân sự: Bị cáo Đào Thanh L đã trả cho bị hại Nguyễn Minh Đ 20.000.000 đồng; số tiền bị chiếm đoạt 75.000.000 đồng còn lại (gồm 35.000.000 đồng của anh Đ và 40.000.000 đồng của anh C1), anh Nguyễn Minh Đ và Võ Minh C1 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Tại Cáo trạng số 86/CT-VKS-P1 ngày 16/6/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Đào Thanh Linh, Nguyễn Thị Lệ về "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Minh T1 về "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo L cho rằng không nhận của anh Đ 55.000.000đồng, không nhận của ông C1 40.000.000 đồng như Cáo trạng truy tố vì trong số tiền 55.000.000 đồng

ông Đ đưa thì của ông Đ chỉ có 45.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng là tiền ông Đ nhận của các tài xế xe khác đưa cho L, tuy nhiên, sau đó bị cáo đã trả ngay lại ông Đ 20.000.000 đồng nên tiền của ông Đ chỉ còn lại 25.000.000đ. Đối với số tiền 40.000.000 đồng Cáo trạng truy tố bị cáo nhận của ông Võ Minh C1 thì bị cáo không thừa nhận.

- Bị cáo L2 và bị cáo T1 cho rằng có cung cấp số tài khoản của mình cho bị cáo L mượn dùng nhận tiền của người khác chuyển đến, khi tiền chuyển đến tài khoản thì chuyển lại cho bị cáo L theo yêu cầu, không biết nguồn gốc số tiền chuyển đến và L dùng để làm gì.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 75/2025/HS-ST ngày 13/8/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đào Thanh L*,* Nguyễn Thị L2 *và* Nguyễn Minh T1 *phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".*

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Đào Thanh L *02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.*

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L2 *02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.*

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 *12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.*

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc Đào Thanh L*,* Nguyễn Thị L2 *và* Nguyễn Minh T1 *mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;*

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Bị cáo Đào Thanh L kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là không đúng tội danh.

- Bị cáo Nguyễn Thị L2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc xin được hưởng án treo.

- Bị cáo Nguyễn Minh T1 kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là không đúng tội danh và đề nghị xem xét lại mức hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Đào Thanh L xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

- Bị cáo Nguyễn Minh T1 vắng mặt, nhưng Tòa án nhận được Đơn xin rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T1 (bị cáo T1 đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam G thuộc Bộ C3; địa chỉ: xã A, xã A, tỉnh Gia Lai), Đơn được Giám thị Trại giam G xác nhận.

- Bị cáo Nguyễn Thị L2 vắng mặt.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Đề nghị xét xử phúc thẩm vắng mặt bị cáo Nguyễn Thị L2 vì bị cáo L2 chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

+ Về nội dung:

Đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Đào Thanh L và bị cáo Nguyễn Minh T1.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị L2 thì đề nghị không chấp nhận mà giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo L2.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị cáo Nguyễn Thị L2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng vắng mặt, đại diện Viện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị xét xử phúc thẩm vắng mặt bị cáo L2 vì bị cáo L2 chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt bị cáo Nguyễn Thị Lệ .

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đào Thanh L và bị cáo Nguyễn Minh T1 rút toàn bộ đơn kháng cáo nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của hai bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, quyết định của bản án sơ thẩm đối với hai bị cáo có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị L2, thấy thấy bị cáo L2 là đồng phạm giúp sức cho bị cáo Đào Thành L3 lừa đảo chiếm đoạt tiền của 2 bị hại với tổng số tiền 55.000.000 đồng nên phạm vào điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự về "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt tù từ 2 năm đến 5 năm, bị cáo L2 bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường cho các bị hại quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo L2 2 năm tù (mức khởi điểm của khung hình phạt) là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo L2. Bị cáo L2 kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không phát sinh thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo L2. Bị cáo L2 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I/ Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Đào Thanh L và bị cáo Nguyễn Minh T1, quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2025/HS-ST ngày 13/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đối với hai bị cáo có hiệu lực pháp luật, cụ thể:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đào Thanh L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về *"Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T1 12 (mười hai) tháng tù về *"Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Bị cáo Đào Thanh L và bị cáo Nguyễn Minh T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, hai bị cáo đều không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

II/ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 75/2025/HS-ST ngày 13/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đối với bị cáo Nguyễn Thị L2, cụ thể:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L2 02 (hai) năm tù về *"Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, hời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Bị cáo Nguyễn Thị L2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- Viện công tố và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Các bị cáo;
- Lưu: Phòng lưu trữ; Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Kim Nhân